

TRẦN-HUYỄN-TRÂN

TRẦN-HUYỄN-TRÂN là bút hiệu, tên thật là Trần Kim, sinh ngày 13 tháng 4, năm 1911, tại Hà-nội (Bắc-phần).

Từng viết giúp cho các báo :

- Phổ thông bán nguyệt san
- Tiểu thuyết thu bảy
- Truyền bá
- Ích hữu

— Bắc-hà tuần báo (do Trần-Huyền-Trân đứng chủ bút, Nguyễn-Tổ quản lý, hợp tác với Thám-Tám và các bạn).

Theo ông Nguyễn-Tổ, Trần Kim là một trong « bọn ngũ hồ » (Trần Kim, Vũ trọng Can, Thám-Tám, Nguyễn-Tổ và Bùi huy Phôn, cả năm người là bạn tâm giao và đều có dòng máu nghệ sĩ giang hồ). Đây, vài nét đơn sơ vẽ con người Trần-Huyền-Trân dưới ngòi bút của Nguyễn Tổ : « Gã thứ nhất (Trần-Huyền-Trân) người tầm thước, da ngăm ngăm, răng vầu, ngoài các tài viết văn, làm thơ, gã ca sáu câu vọng cổ rất mùi, thêm vào đó cái đánh đàn nguyệt. . . »

Vì hoàn cảnh gia đình, sớm phải lăn lóc bụi đời nên kiên thức của Trần-Huyền-Trân nhờ tự học nhiều hơn là thụ giáo ở nhà trường. Trước cao trào tư tưởng lãng mạn thời tiền chiến, Trần-Huyền-Trân là thi nhân ít ca tụng yêu đương, hay đúng hơn, sau khi mộng tình nuôi dưỡng mười năm bị tan vỡ, Trần-Huyền-Trân đâm ra mưa mai, chua chát với ái tình. Ông là hình

ảnh của nghèo đói, khổ đau phản chiếu từ một thực trạng xã hội cát lăm đương thời ; những nếp sống cận bã đi qua tiếng thơ của ông như tiếng gọi thiết tha một sự cải tạo thân phận con người.

Ông là nhà thơ nổi danh, lại là một nhà văn có tài nữa. Tác phẩm *Lẽ sống* xuất bản năm 1942 gồm những truyện ngắn tâm lý, tâm tình như : *Lẽ sống*, *Bộ áo rét nhà thơ*, *Tâm lý cá*. Những chiều thu nắng, Lá rụng, Khoa bác cử, Một con cuốc chết, Yêu... đều là những sinh hoạt bé nhỏ thấp hèn mà tác giả cổ tâm trình bày với nhiều thiện cảm, nhiều suy tư, mong muốn biến cải những mảnh đời mạt hạng theo chiều hướng thượng.

1945. Tiếng súng cách mạng bùng nổ. Một hồn thơ nặng chát chứa uất hận, bị dồn nén nay có cơ hội giải thoát. Nó bùng mãnh, ò ạt, cuộn cuộn lời cuộn bừa đi như dòng thác lũ đè tày sạch vết ô nhục của dân tộc đã chịu nhiều đắng cay, cơ cực trong thời nô lệ qua.

Bài Hải-phòng 19-11-1946 của Trần-Huyền-Trần sừng sững đứng như một tháp chót vót đề dành dấu hai triệu linh hồn chết oan uổng vì sự cấu kết của thực dân và đế quốc cường đoạt thóc lúa của dân ta, chen ngang nguồn sống của họ. Nó còn mang ý nghĩa của một kỳ đài đề làm dịch nhâm cho những mảnh đời cận bã, khinh hèn của xã hội, bỗng nhiên bừng sống cái quyền làm người của họ.

Cả những gái Pháp kêu « đồ dī »
Cả những trai Nhật gọi « lưu manh »
Cả những anh « bầu xấu voi xanh »
Nửa đêm nay dao bầu gậy bẫy
Đi bằm nát thời nô lệ ấy.

•

TRONG Thi nhân Việt-nam của Hoài-Thanh — Hoài-Chân, Trần-Huyền-Trần là kẻ suýt trễ tàu. Hai ông nói : « Viết đến đây, tôi đã định khép cửa lại đâu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa : Trần-Huyền-Trần. »

Qua rồi 27 năm luân lưu của dòng ngày tháng (1941 — 1968), một thế hệ gần tàn, những cái nhìn vì đó mà thay đổi ; chúng tôi nhìn Trần-Huyền-Trần có khác Hoài-Thanh Hoài-Chân, bởi lẽ khi nói đến nhà thơ này hai tác giả coi như hành khách đến muộn nên không dành được sự chiêu đãi ưu tiên, hơn nữa ... « sau khi đọc hoài những câu rất anh anh em em, tôi đã tìm thấy ở đây cái thù của người đi đối gió. » (lời Hoài-Thanh — Hoài-Chân). Vì sự tiếp đón trễ tràng ấy mà hai ông không kịp nhìn đến bản sắc độc đáo của Trần-Huyền-Trần.

Hôm nay, dưới mắt chúng tôi, Trần-Huyền-Trần khoác cho mình một sắc thái khác biệt, một màu sắc của xã hội lâm than. của bơ vơ cô độc, trong ấy long lanh những giọt lệ của kiếp người, một con người rỗng tay không vì bị giành giật tất cả mà thiếu thốn tất cả ; thậm chí một chút tình mẹ thương con cũng không có. Trần-Huyền-Trần kể :

Tôi... từ khi chưa biết gì
Thân đi lưu lạc, mẹ đi lấy chồng.

Xã hội loài người đã ném vứt ra giữa dòng đời một đứa trẻ lạc loài từ tám bé, đã rút bỏ một hồn máu để đi tìm sinh thú bản thân. Trần-Huyền-Trần bắt đầu ngậm vị đời bằng một chất đắng, bằng vị mặn của mồ hôi và nước mắt :

Lên đường từ buổi chân lấm ngựa.
Đời rữ bình yên, gửi thất thường,
Sớm đón nước sông, chiều gạo chợ,
Giải lòng cho bụi gột mùi hương.

Cứ thế mà tháng bé lớn dần như cỏ cây ; cho đến một ngày nọ năm 13 tuổi, cái tuổi của dậy thì, cái tuổi của dậy yêu do một sự biến chuyển của cơ thể, đứa bé bắt đầu được

Tạo-hóa trang bị bằng một nhãn quang thâm mỹ khác lạ, bằng một trái tim biết rung động, biết rạo rực yêu đương. Bị vút bỏ ngoài lề đời quá sớm, thiếu mọi tình thương; từ của người cha, của người mẹ, của cái xã hội nhìn nó bằng đôi mắt khinh bạc. Cô độc ghê lạnh vậy phủ. Như những sinh vật mà bản năng bảo tồn hay hướng về sức nóng của mặt trời, đứa bé Trần-Huyền-Trần đang tìm một chỗ ẩn náu cho con tim giá rét, và nó đã gặp được sức ấm áp của tình yêu. Trong những đêm trống trải, nó mơ màng tự hỏi :

Em ơi ! Đã có đêm nào

Bóng con chim mộng bay vào màn em ?

Hay đâu, sự mơ tưởng yêu đương theo lòng mong ước trở thành một môn hàng quá xa xỉ đối với thân phận con người đơn bạc ; thì nhân cảm nhận được sự lạnh nhạt của đối tượng yêu :

Biết yêu thì khó có thừa.

Hình dung cho lắm, tương tư lại nhiều !

Xa em gió thoảng lạnh vào

Lửa khuya tàn chậm mưa chiều dờn nhanh.

Bóng đơn đi giữa kinh thành

Nhìn duyên thiên hạ, nghe tình người ta.

Mỗi tình bấp bênh như thế, vậy mà thi nhân đã tăng tiu nuôi dưỡng trót mười năm, đề ngày kia, ở cuối đường mộng, va chạm phải thất vọng nào nề ; ta thấy một cõi lòng tái tê, chua xót. Mộng xây dựng ái tình trong « túp lều tranh » đối với thi nhân, giờ chỉ là huyền ảo. Nàng đã cất bước sang ngang để lại một linh hồn vừa bừng tỉnh cơn mê, mới hay mình là con thiêu thân vì lao vào ngọn lửa yêu mà bị cháy cánh. Đọc thi bản dưới đây ta mới thấm thía nỗi buồn đau :

Mười năm

Biết nhau từ thuở đại khờ,

Giờ đây cát bụi đã mờ mắt trong.

Nhánh hồng em chiết bên sông

Đã mười xuân rụng, mười bông hoa cười,

Con chim bạc mã già rồi

Mỏ vàng đã nhạt hết lời thơ xanh.

Còn gì nữa ở lều tranh,

(Ở lòng em, ở lòng anh, còn gì ?

Tương phùng là dễ biệt ly,

Biệt ly là một người đi qua lòng.

Giờ đây em đã sang sông.

Anh nhìn khói sóng ngơ trông mây dèo.

Mười năm mới hiểu tình yêu,

Một nguồn hương nhẹ, mây chiều gió đưa.

Ngoài những miếng trần gian cay đắng trong cuộc vật lộn để sống còn, sự thua thiệt ở tình trường đã là ngọn roi phủ phàng vút mạnh làm tắt lịm niềm tin yêu vào lẽ sống của con người. Nếu một Thê-Lar tự cười vì đã chuốc đại chạy theo vật chất vẩn mình trong bài *Tự trào* thì Trần-Huyền-Trần đã vẽ nên mẫu người chua chát, mỉa mai, khinh nhân ngạo thế vì đã lâm lữn bị đuổi xua, gạt bỏ ra ngoài rìa xã hội. Dưới đây là bức tranh sống thực của con người Trần-Huyền-Trần :

Một người đã sống

Có ai thấy ngang tàng trong Hà-nội,

Sống một anh chàng biếng cười, biếng nói,

Bạn với loài người : một con chó bông,

Với chiếc mũ tàn, bộ áo mùa đông.

Có lẽ gia đình, bạn bè không hết,

Với các thứ tình lòng anh đã chết !

Nên những chiều, khi Hà-nội tro giã,

Anh hiện ra đời, đất chó tung tăng.

Đời đã cười anh một thằng ngu ngốc

Không biết đua chen, gian ngoan, luôn lọc;

Rồi đời gọi anh :

« — Ồ một thằng điên

Đi sợ tiền tài, danh vọng, tình duyên. »

*Anh đã nhìn qua những lời thiên hạ,
Anh càng thấy anh xa người ta quá ;
Có phải vì chưng thất hại nhiều phen
Ở với đời anh chết cả niềm tin !*

*Rồi một chiều kia có người theo dõi
Bóng anh trở về nẻo đường tăm tối,
Vào một túp lều ăn nấu ngoại. ô
Bỗng chốc mà cười sang sảng ngâm thơ.*

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 233, 12-11-38)

Khảo sát đa số thi bản của Trần-Huyền-Trần, chúng tôi nhận thấy mỗi bài thơ là một niềm u uẩn của con người, một khía cạnh liên hệ đến cuộc sống hiện hữu của xã hội. Thi bản *Một người đã sống* đã nói lên đầy đủ ý nghĩa sự cô độc ghê lạnh, hắt hủi, ruồng bỏ, đã khiến một con người uất ức nảy sinh ý nghĩ tạo cho mình một lối sống ngoại hạng đầy khinh miệt và cuồng dại.

Thất vọng trên đường tình, náo nức trong cuộc sống, chán ngán với tình đời, lòng thi nhân tê dại, chai đá trước mọi sinh thú ; đã có một lần thi nhân mĩa mai từ chối sự chiếu cố của thần Cupidon (1) mà thi nhân đã chua chát gọi « bà ».

Thư bà

*Hay gì bà hỏi đến tôi,
Khóc thì trái thói, mà cười vô duyên.
Vị đời nhấp nháy thành điên,
Nên ngày loạn lạc ngỡ đêm thanh bình.
Tìm tôi, chiếc lá đầu xanh
Tắm đời ăn dãi, trơ cành còn chi !
Tôi... từ khi chưa biết gì,
Con đi lưu lạc, mẹ đi lấy chồng.*

1) Thần Ái-tình của người La-mã, cũng như Eros là thần Ái-tình của người Hy-lạp.

*Thuyền hờn chờ một khoang không,
Bao lâu giọt sóng trên dòng cô đơn.
Kính thành mây đỏ như son,
Gió lòng eo hẹp giam con chim trời.*

*Tôi là... là chi thế thôi,
Thư bà, đây có phải người bà mơ ?*

Đến bài thơ dưới đây lại có một nguyên ủy. Trần-Huyền-Trần và Thâm-Tâm là đôi bạn tâm giao. Thâm-Tâm có người yêu là đào nương tên Yến ; vì say theo bóng sắc mà xao nhãng văn thơ, Trần-Huyền-Trần khuyên can bạn, nhưng Thâm-Tâm lại gây sự. Tức giận Trần-Huyền-Trần đấm sưng mắt Thâm-Tâm. Thâm-Tâm giận bỏ đi. Vì việc này, Trần-Huyền-Trần đã giải bày nỗi đau buồn trong thi bản :

Gửi Thâm-Tâm

*Ôi ví ta cười xé mắt người
Là lòng đau xót cổ nhân ơi,
Khi người gói ghém mang hài cốt
Một ả ca nhi bước xuống đời.
Ta biết tình trường sóng gió êm,
Mà người sống gió một con thuyền.
Nhớ nhau bút giấy ngày lên mốc
Chấn chiều tình trai giọt sắp hoen.
Ví mẹ xa con, vợ nhớ chồng,
Cùng là ta nủi với người sống.
Hỡi ơi ! vắng vẻ trời tâm sự
Đâu chuyện dần giương hắt má hồng.
Đề ngán cho đời người với ta,
Làm thân vàng đá đất trắng hoa.
Bút đâm biên mực chưa thành sóng,
Đã phải cầm lòng khóc chán ta.
Đành ngả nghiêng cười nói ngằn ngo
Dang tay tâm huyết đón hương thừa.
Trời ơi ! Đến gái đời mưa gió
Mà cũng vô tình trải gió mưa !*

Như một con người nhất sinh là tấm bia hứng chịu ngay cảnh bơ vơ, lạc lõng, cay đắng với mùi đời, tâm hồn thi nhân được nuôi dưỡng bằng khổ đau trong cuộc sống, khuynh hướng thơ của Trần-Huyền-Trần vì đó mà thường nghiêng về đề tài xã hội. Bài *Mẹ con* dưới đây là cảnh huống thương tâm, một hình ảnh sống thực, một bài toán nan giải :

Mẹ con

*Đẻ ra trong đói khổ,
Váy mẹ làm áo con
Miệng khát sữa cào vú
Nào hay già thiếu cơm.
Lớn lên vào xưởng thợ
Bán sức cho người buôn
Bếp lạnh thường không lửa,
Mẹ con nhìn trời suông.
Một chiều mẹ nước nỡ
Con ngồi thương núi non
Rời sương trộm tóc mẹ
Rời bụi cuốn đời con.
Vào Nam con thiếu áo
Ra Bắc mẹ thêm cơm
Từng lớp người rau cỏ
Lặn một khối đau buồn.*

Và càng thêm thương hơn cho khối dân tộc bé nhỏ cam chịu thân phận trùng để quần quai dưới gót giày chà đạp của bạo lực :

*Nhớ lại gót giày đinh Pháp Nhật
Tranh nhau xé xác nô cưỡi
Lửa sống từng ngày leo lét
Mẹ gánh con đem bỏ chợ đời
Chồng giết vợ giành hơi cháo loãng
Đời vứt nhau không có gì nuôi
Địa ngục gông cùm thể thảm ấy
Thực dân sắp mở cửa ngày mai.*

(trích *Hải-phòng* 19-11-1964)

Trần-Huyền-Trần đã vẽ lên bằng tiếng thơ đề phôi bày hình ảnh thống khổ, căm hờn của dân ta đã bị chết đói mà hàng triệu con người ngã gục như cây rừng. Nó không phải vì tai trời ách nước mà lại do sự cấu kết thâm độc của thực dân Pháp và đế quốc Nhật đã ra tay thu góp thóc lúa của dân chúng cất vào kho lẫm để nuôi dưỡng quân viễn chinh hoặc làm than chạy nhà máy. Sự uất hận dâng lên tràn ngập sông núi này ; kịp đến khi Nhật-bản đầu hàng Đồng-minh, tiếng súng cách mạng bùng nổ ở Việt-nam, Trần-Huyền-Trần vội vã « từ biệt Lê văn Trương » lên đường mang theo một nỗi niềm, nó đã trở thành một hoài bão to lớn :

*Thôi thế anh về yên xóm cỏ,
Có buồn khêu lại ngọn tàn đăng.*

*Thôi anh về đi tôi đi đây
Chim nào có cánh không thêm bay ?
Cây nào có gió không buồn lay ?
Lòng nào có mối không thêm say ?*

*Tôi sẽ giẫm lên nguồn huyết mạch,
Mà lau nguồn lệ chúng sinh rơi.*

*Tôi đi, thực đấy, dù gian khổ,
Đời có như người tướng bị thương
Một tối rừng mình lau máu mũi
Cũng không khép mắt đóng sa trường.*

(trích *Từ biệt Lê văn Trương*)

Bóng dáng của con người Trần-Huyền-Trần đi qua trong cuộc chiến đấu chung của dân tộc, ta thấy cũng cam go, thiếu thốn, nhưng vẫn không mất cái khí ngang tàng, cao ngạo. Đề thiễn khảo luận thêm phần sống động, chúng tôi xin trích lại một đoạn văn của ông Tân-Hiến ghi lại trong bài *Trường hợp nào Trần-Huyền-Trần viết bài « Độc hành ca »* (Phổ thông, số 205 ngày 15-12-1967), ông viết :

« ... Một đêm tôi còn nhớ, trời rét như cắt thịt, ... tôi bỗng nghe ngoài rào tre có tiếng gọi khẩn cấp. Tôi nghĩ bụng :

— Quái ! Giờ này, ai còn lặn mò về đây tìm mình ?

Mở cửa, thấy hai tướng : Trần-Huyền-Trần, Võ viết Thi.

...hai thằng bạn hữu phương lai, giữa một đêm trời giá như băng, tương nhi chi hà ? Rượu không, nhảm làm sao đây !
Đầu bạn vô nhà, dựng vợ con đây ; vác gậy ra đi khua chó xóm cần om sòm vay được nửa chai hoành tửu. Nhưng nhậu với gì ?

Đang lúc bán khoán, bỗng có tiếng kêu lục cục sau bếp, Huyền-Trần reo lên :

— Có gà ! Sao không đem giết !

Tôi lắc đầu :

— Gà chọi ! Gà Cốc-để đại vương, đại hơn thụt trâu, ăn sao được.

— Được !

— Được ! Cứ cắt tiết, nấu cháo. Còn hơn uống rượu không !

Bữa rượu thịt gà chọi ấy, đúng như câu thơ của thi sĩ Nguyễn Tố cháu của Tân-Đà tiên sinh :

Rồi có một chiều, ngọn gió thu

Thời đầu về mấy gã đầu bù.

Đào cây rượu bố rồi sang sang

Con cái ngây người lắng nhạc thơ.

Ba thằng, trời rét hừng lên, mà có nửa cây, sao đủ ! Rượu ít, nhưng tâm trạng kẻ « tại đào » mang mang muốn sự. Thằng trốn phòng nhì Pháp, thằng tránh hiến binh Nhật, thì nhau chửi đồng chán rồi, Trần-Huyền-Trần hô « văn phòng tứ bảo ». Bút giấy đem lại, nhà thơ Huyền-Trần ngà ngà say đã thảo bài Độc hành ca, lời thơ khi thơ khác tất cả những văn điệu « thoán, nảo, ti, ta, » từ trước tới nay :

Độc hành ca

Đêm nay cùng đồ bụi giầy

Miệng cười há hủ, thơ mảy rượu tao,

Say đời uống lẫn chiêm bao,

Thơ ra miệng đại, sầu vào mắt điên.

Đầu bù khi núi đang lên,

Sá gì bóng tối đắp trên thân còm.

Gặp thời xô xát nước non,

Ta trôi, người chảy, lòng còn ngó theo.

Đưa nhau qua bữa cơm nghèo,

Đưa sầu gào rượu, đưa nheo mắt cười.

Thế rồi thí bỏ rủi may,

Đưa giam côi bụi : đưa đây rừng sâu !

Vai cây chẳng quản làm trâu,

Dong xe chẳng quản tóc râu lấm bờm !

Nẻo về chặt chội áo cơm,

Dặm đi chắc rụng từng cơn lá rừng.

Lòng ta không sống, không dừng,

Thơ vang lại vương mấy từng cửa quan.

Bài Độc hành ca ấy đánh dấu một khúc ngọt trên cuộc đời tâm tưởng của Trần-Huyền-Trần, người thơ của yêu đương và đau khổ.

Từ đây, con họa mi « xơ xác » trong túp lều không còn hát những khúc trữ tình nữa. Lời thơ của Huyền-Trần từ đây được màu sắt lửa, tóc tang của một tinh thần bừng sôi trước những va chạm lớn lao của lịch sử... »

Chúng tôi xin mượn đôi lời trên đề kết thúc về Trần-Huyền-Trần, con người thơ của thân phận bọt bèo, của những mảnh đời cơ cực đang chờ đợi một sự cải thiện của xã hội.



Thi tuyên

Tha hương

Lên đường từ buổi chôn làm ngựa,
 Đời rữ bình yên, gửi thất thường,
 Sớm đón nước sông chiều gạo chợ,
 Giải lòng cho bụi gột mùi hương.
 Từng nhăng mưa đời vắng vật đêm,
 Sầu lên le lói nhánh hoa đèn,
 Thân như sông nhỏ vào khơi rộng
 Dâng hết tình theo bão sóng lên.
 Hẹn mộng xanh ngời mái tóc xanh,
 Cười theo chim há mỏ trên cành,
 Chiều nay lòng chợt nhìn sum họp,
 Chạnh thấy mệnh mang vẫn một mình.
 Kinh thành riu rít nờ nghìn xuân,
 Nghìn cánh sông vên mộng đỏ dần,
 Trong bụi nghìn màu theo gió lùa,
 Chân mình vẫn lạc dấu nghìn chân
 Dứng lặng trông vơi xứ nhớ thương
 Nghe mây vờ vờ rõ thành sương,
 Chao ôi ! Hồn nặng sầu trong xác
 Sầu đồ cô đơn bóng xuống đường.
 Ôi xót nhện gầy phong cánh song
 Đòi phen đông bão rách tơ lòng,
 Có còn nhớ chủ trong lầu cũ
 Hay gió đầy ra mây khúc sông !
 Ôi xót chim già nấu mái tre,
 Suốt thời đông ấp lạnh mong hè,
 Với dăm xóm kiển nương khe cửa,
 Mấy độ mưa rào có đuổi đi ?
 Gió nhớ rưng rưng thấm xuống lòng
 Lệ người đau bạc lúc sầu đông,
 Đêm nay thao thức ngoài thiên hạ,
 Nào biết cùng ai lặng giọt đông !



Khúc hát tương tư

Em ôi ! Đã có đêm nào
 Bóng con chim mộng bay vào màn em.
 Mỏ hiền thỏ thể ư duyên :
 Sao hoa dạ hợp từng đêm ngâm sầu ?
 Phải đây mùa nhớ thương nhau
 Chìm ngoài ngọn gió, hoa đầu cành mưa,
 Biết yêu thì khổ có thừa
 Hình dung cho lắm, tương tư lại nhiều !
 Xa em, gió thoảng lạnh vào
 Lửa khuỷu tàn chậm, mưa chiều dờn nhanh.
 Bóng đơn đi giữa kinh thành
 Nhìn duyên thiên hạ, nghe tình người ta.
 Đêm dài, chợ cánh thiên nga
 Vò chấn nấy bận vẫn là chiêm bao !



Có dăm cánh lá

Nơi tôi vườn nhỏ cây nghèo
 Có dăm cánh lá đã theo tay người
 Người là du khách qua thời
 Áo đi, rữ lại bụi đời lên cây.
 Nắng đem mưa, tối đem ngày
 Lá đi đề vóc cây gầy nhớ thương
 Lá ơi từ độ lên đường
 Áo xanh đã mấy mùa sương bạc rồi !
 — Có ai thấy lá vườn tôi
 Đốt giùm cho khói lên trời tôi trông.



Em là...

Em là tiên nữ trên ngàn,
 Vui chân đi rắc hoa vàng cho Xuân.
 Anh là du khách dưới trần,
 Lăn xem hoa nở là lăn tương tư.



Những cánh thơ vàng

Đời tôi — Em hỏi làm chi ?
 Đời tôi là chuyến tàu đi không người.
 Sông trần bao ngã ngược xuôi,
 Đã vắng cái bến lại dài con sông.
 Tình tôi — Em hỏi làm chi ?
 Tình muôn ngàn lối, tôi đi một mình,
 Một mình dốc chén ly sinh,
 Men say đứt mãi, lòng mênh mông buồn.
 Duyên tôi — Em hỏi làm chi ?
 Mây năm trái hướng, gió đi sai chiều,
 Nước bèo nào được bao nhiêu
 Tuy giàu gặp gỡ, nhưng, nghèo yêu thương.
 Lòng tôi — Em hỏi làm chi ?
 Lòng rồi đại ấy còn gì nữa đâu !
 Hình như nó chết từ lâu,
 Bởi thương, bởi nhớ, bởi sầu, bởi vui.
 Thơ tôi — Em hỏi làm chi ?
 Một nguồn hương đại đi về ngàn ngơ.
 Thơ người là trái chín vừa
 Thơ tôi là trái không mùa không tên.
 Kia em ! Đừng hỏi nữa em,
 Chim lồng đã vụt, theo lên gió ngàn
 Rung lòng : lá động, chiều tan
 Nhặt đi, Em, « cánh thơ vàng » đang rơi ! !



Đàn tôi

Đàn tôi mười sáu dây đồng,
 Có nàng Tô ở trong lòng tiếng tơ
 Đàn mang tang tóc từ xưa
 Chợ xuân nửa giã, sầu thu nửa vơi
 Lòng đau khôn nói nên lời
 Dành gieo tâm sự trên mười ngón tay.



Hết cố nhân

Lên thang nghe gió nhũ mưa thầm,
 Gác trọ không đèn hết cố nhân !

Ta trở về đây không gối chăn
 Một mình ly rượu rét cầm cầm,
 Không là lính thú sầu biên ải
 Cũng thấy lòng chia dưới cát lăm !
 Nhớ lại mùa mưa những thuở nào,
 Rượu rồi nâng cổ áo lên cao.
 Dăm ba mồi thuốc đi chung bóng,
 Lòng chếp cho lòng bao chiêm bao !
 Đây mấy vai kẻ bên giáng tiên,
 Say còn ngửa cổ rót men duyên.
 Kia dăm cồn tóc mây thu đậu
 Khói thuốc đưa lời như lũ điên
 Gió bụi không nương lại chiều hồng,
 Nhà như cỏ mộ một thây lòng.
 Gia đình đắp đôi người thiên hạ
 Cho hết không còn nước mắt trong !
 Lên thang nghe gió nhũ mưa thầm ?
 Gác trọ không đèn, hết cố nhân !
 Nhắc chén nghĩ khinh người chiến quốc,
 Phù hoa thường đời mất tri âm !
 Giối mãi đêm dài lên bút giấy,
 Dong đèn cho cạn giọt tâm tư.
 Đời như quán rượu khi tàn khách
 Rồi khắp tường vôi bóng tóc bù !
 Nào biết mộng người đi những đâu
 Chả buồn qua lại cánh song nhau !
 Một, hai, ba, bốn ngày nay nữa
 Cây cỏ lòng hoang đến bạc đầu.



Từ biệt Lê văn Trương

Thôi thế anh về yên xóm cỏ,
 Xứ nghèo đã cõi gốc yêu đương.
 Nhớ nhau vầy bút làm mưa gió.
 Cho đồng xương đời được nở hương.
 Thôi thế anh về yên xóm cỏ,
 Có buồn khêu lại ngọn tàn đăng.
 Chứ tôi bệnh trẻ khôn than thở.
 Với chiếc đầu lâu không nói năng.
 Thôi anh về đi, tôi đi đây
 Chim nào có cánh không thêm bay?
 Cây nào có gió không buồn lay?
 Lòng nào có máu không thêm say?
 Tôi đi gậy thánh đón tay tôi.
 Quì công ôm chân rú lấy cười
 Tôi sẽ giẫm lên nguồn huyết mạch.
 Mà lau nguồn lệ chúng sinh rơi.
 Tôi đi, thực đây, dù gian khó,
 Đời có như người tương bị thương
 Một tối rung mình lau màu mù
 Cũng không khép mắt đóng cửa trường.
 Thôi đợi mùa kia trái chín lành,
 Tóc này về rúc với râu anh,
 Bấy giờ hát toẹt ba chung rượu,
 Mà kẻ tâm tình thuở tóc xanh.

Lòng chiến sĩ

Kính tặng hương hồn Phạm Ngũ Lão

Bao lâu xông xáo rừng binh lửa;
 Vó ngựa đêm nay cuốn bụi về,
 Trong gió thanh bình lưng điệu nhạc
 Rung lòng tráng-sĩ động hồn quê.
 Thuở ấy ra quân lớp lớp dài
 Mẹ già đứt áo hẹn tương lai...
 Lòng con nặng giục mầm hoa nở
 Gió bốn phương về lộng chí trai.

Đốc gươm, cương ngựa gọn trong tay
 Từ đây, đưa đông bão tháng ngày
 Từ đây, cầm hờn say mất tía
 Khoa đao, máu giặc đỏ râu mày.

Nhưng khi đến đáp cội lòng son
 Đáp nước non — thì một nước non
 Lòng ngóng tay già đan rỏ ầu
 Lòng già lú rú mãi tình con.

Bữa chàng no lòng, giấc chàng yên,
 Một mình lăm cầm gươm trong đêm,
 Đêm nào, đêm nào, đêm nao nữa
 Bóng mặt trời đâu chàng thấy lên!
 Đền đến đêm qua trời nổi gió;
 Lá vàng khôn niu lẩn cành xanh,
 Người đàn bà ấy, trong mong nhớ
 Bước vội qua đời một bước nhanh.



Mặt trận đêm nay mừng đặc thắng
 Rượu nồng say máu đỏ — Ô hay!
 Men buồn nhẹ bốc trong lòng vắng
 Thoáng bóng ai trong cốc rượu đầy.
 Trong trường bắn khoả cũng có lần
 Thở dài bên giấc ngủ ba quân,
 Bình thư ngừng giờ, bào quên cời
 Đèn nhớ mong ai bắc lại đèn!
 Đâu đây cây cỏ chuyện lao xao
 Chim rúc ru con tận xóm nào.
 Bình tĩnh cả trong lòng chiến mã
 Đuôi mừng phất sạch bụi binh đao.
 Buồn bực nâng râu đứng ngóng trời
 Ngây nhìn thôi thóp vệt sao rơi,
 Chạnh lòng tráng sĩ vung lên ngựa
 Trong gió rên dài: Hỡi mẹ ơi!

Áo bào quạt ngựa bay phân phất
 Lối cũ băng qua rặt lúa đồng.
 Má ướt sương đầm hay nước mắt ?
 Mà lòng sao cuộn tựa lòng sông !
 Kia bóng cau già, đứng xác xơ ;
 — Ờ, đây dấu vết của thời xưa :
 Nằm ôm gốc gạo lều dăm mái
 Cánh liếp che sương hé dợi chờ...
 Lòng sầu trắng sì tôi như mây
 Vội vội gò cương, đồ bóng gầy
 Vội vội xô phen, kêu vội vội :
 — Mẹ ơi ! Con đã trở về đây !
 Nhưng lời kêu gọi ờ ai nghe
 Mây xé, trời chênh, gió nặng nề.
 Trăng lạnh dòm sông, màu rú lạnh
 Nhà hoang thôi chẳng đáp ai về.
 Người mẹ già kia cũng thê thôi !
 Lời mong nhớ lắm đã cam lời.
 Lòng mong nhớ lắm cho lòng chết
 Mắt lóa chờ con khép chặt rồi !
 Này khôi, này giáp, này đao mã
 Này hốt, đai, hia, mảnh àn hầu.
 Tất cả mẹ ơi ! Đây tất cả
 Làm sao đòi được tấm tình sâu ?
 Làm sao đòi được một lần thôi
 Manh áo ngàn xưa ủ chút hơi,
 Khi uống say trong bầu vú mẹ
 Cận nguồn sống ấy — mẹ hiền ơi !

Chao ôi binh lửa ! Ôi binh lửa
 — Ai đẹp lòng ta trận giặc này ?
 Chao ôi binh lửa ! Ôi binh lửa
 Đây một hồn thiêng chết nửa đây !

Tiêu thuyết thứ bảy số 325, ngày 7-9-1940



Giao thừa

Gió ngớt khua lau dưới gậm cầu,
 Người về xóm lạnh bước thôi mau.
 Ngõ hoang đã nở dăm màu bướm
 Đây lúc đôi mùa đưa tiễn nhau.
 Ấy lúc hồn hoa trở gót về,
 Thả đàn chim mộng xuống đêm khuya.
 Tôi nghe xa lắm làn mây bạc,
 Rồi bóng kinh thành lừng thừng đi.



Ngõ trúc

Mưa bay trắng lá rau tàn,
 Thuyền ai bốc khói xa dần bến nưa.
 Có người về khép song thưa,
 Dề rêu ngõ trúc tương tư lá vàng.



Hải-phòng 19-11-1946

Nở súng rồi !
 Nở súng rồi
 Hải-phòng ộc máu phun ra bè
 Nước mặn đồng chua thêm máu người
 Còi ga rên rì
 Xe Liên kiếm hết hơi
 Miệng Lamy ngọt bèn tiếng súng
 Bao nhiêu bơ sữa reo cười
 Gió thu lồng lộng
 Ngó hút mù khơi
 Ngoài kia,
 Dòng Thái-bình ngoi tim bề rộng
 Dòng Thái-bình vọt sóng
 Đang tung lưới nhà Chai
 Đang vác bàn tay lưu động
 Vết phù sa cày luống ngô khoai
 Dòng Thái-bình gieo lên sức sống
 Tiếng ngàn xưa phi ngựa thúc voi

Dòng Thái-bình đánh nhau với người
 Này đây máu vừa, thịt vôi
 Sáu Kho lên xương cốt
 Đóng kê xây đập
 Chặt vật ngày đêm một giống uoi
 Này đây xóm Lạc-viên lam lội
 Ngủ với chuột, ăn với ruồi
 Cha gục xuống rồi; con bước nổi
 Áo hở da, cơm tưới mỡ hôi
 Cánh tay lao động rên đêm tối
 Đẻ dục hóm sau đỏ mặt trời
 Này đây Chợ Con Chợ Sắt
 Những nguồn lực mới nuôi đời
 Những nguồn lực mạnh chồi lên đất
 Giữa mùa thu mạnh máu hồng tươi
 Nhớ lại gót giày đình Pháp Nhật
 Tranh nhau xé xác nô cưỡi
 Lửa sống từng ngày leo lét
 Mẹ gánh con đem bỏ chợ đời
 Chông giết vợ giành hơi cháo loãng
 Đời vứt nhau không có gì nuôi
 Địa ngục gông cùm thể thâm ầy
 Thực dân sắp mở cửa ngày mai
 Ngày mai
 Khoanh tay mai lại sống đời tối đen
 Mắt ngược lên
 Hải-phòng ghê gớm !
 Hải-phòng xưa Pháp treo cờ trắng

 Hải-phòng chẳng bó tay đau đớn
 Hải-phòng tràn cội bể Đông
 Hải-phòng !
 Này lửa trong lòng Nhà Hát lớn
 13 quyết tử cưỡi hơn hơn
 Còn viên đạn cuối cùng

Nhà Hát rung
 Cong veo cầu Ca-Rông
 Ga An-dương bẹp đi
 Máy rú găm không khi
 Bom rơi đầy đồng
 Đem về vườn trồng nhà không
 Gậy đồ hiện lên chiến sĩ
 Gạch vụn hiện lên anh hùng
 Cả quán Bà Mầu, cả Cánh Gà, cả Hạ Lý
 Cả những gái, Pháp kêu « đồ đi »
 Cả những trai, Nhật gọi « lưu manh »
 Cả những anh « bầu xấu » voi xanh
 Nửa đêm nay đao bầu gây bầy
 Đi bầm nát thời nô lệ ầy
 Minh bằng lên đại lộ . . .
 Ôi những người chiến sĩ vô danh
 Nổ súng rồi !
 Nổ súng rồi !
 Máu đã bôi lên chữ hòa bình
 Tin ước bay vào ngọn lửa
 Lửa ! Lửa !
 Lửa nghi ngút từ lòng tham vô độ
 Từ Tây Âu, chủ băng, chủ mỏ
 Đốt qua lòng đại bác liên thanh
 Lửa nghi ngút từ tiệc hoa nhầy múa
 Từ cặp môi, từ cặp vú
 Đốt qua lòng mê muội linh cuồng chính
 Lửa ! Lửa !
 Lửa reo, lửa thét !
 Lửa Việt-nam cả dân tộc bất bình
 Lửa xuống cửa ga, xe tăng giấy chết
 Lửa vào Cát-bi máy bay tan tành.
 Hải-phòng khu bảy ôm tay lửa
 Mỗi mái nhà thiêu một đại binh
 Suốt ngày. Từng loạt liên thanh

Máy bay đuôi quét gia đình tản cư
 Nâng cao vòm trần thủ đồ
thăm mặt tâm tư sáng ngời
 Hải-phòng ộc máu phun ra bề
 Nước mặn từ nay thêm máu người
 Hải-phòng ộc máu phun ra bề
 Giặc Pháp mang thêm tội giết người.

Hải-phòng 12-46



Một chiều mưa

Gửi Viêt-Châu

Chiều loạn mây rồi, gió vút lên
 Một sông đôi bên dờ con thuyền
 Mặc đời pha bụi, vàng pha cát
 Lá trúc thôi ngâm sách thánh hiền
 Ta đây kẻ sĩ nằm trong đao
 Tình bạn kẻ đầu nghe gió mưa
 Xót đời nghèo hương chẳng đậu
 Trong rừng chính khí đề giao thơ
 Nghĩa lớn như sung « rụng xuống chiều
 Lạc loài hoa lá biết bao nhiêu »
 Song ngoài có lạnh không muôn dặm
 Mưa có hay tình nước mắt theo.



Khóc Tản-Đà

Đêm kia sao rụng trên trời
 Cối trần lạnh lẽo mắt người bạn thơ.
 Nước non này mảnh dư đồ
 Mà hồn non nước bây giờ tìm đâu ?
 Lấy gì, trời đòi cho nhau
 Người sương gió nhuộm mái đầu bấy nay ?



Bao lâu tình tình say say
 Say say tình tình lần này mà thôi !
 Chiều nay tám chín phương trời
 Muôn ngàn người có một người đi qua.
 Dở dang này những ngày xưa :
 « Người non nước hẹn thề cờ nước non.
 Khố tình lớn, khố tình con,
 « Khố tình hộp bẹp vo tròn lại nguyên. »
 Lòng thơ lấy rượu làm duyên
 Hồn thơ xuôi ngược con thuyền « An-nam ».
 Nào nùng chớp bề mưa ngàn
 Thuyền nan hồn sống thuyền nan trở về.
 Mai mai, niết niết, kia kia,
 Cảnh rầu rĩ cảnh, lòng tê tái lòng !
 Hôm nao vút cánh chim hồng
 Minh không then bóng, bóng không then mình.
 Giờ sao thui thui gia đình
 Rượu cay càng gửi bất bình càng cay.
 Mịt mù Nam, Bắc, Đông, Tây
 Đã đầy mộng lớn, đã đầy mộng con !
 Còn gì là tấm lòng son !
 Thân tàn một kiếp, chí mòn bốn phương. »
 Rồi... gió sương trả gió sương
 Nét thơ xóa « sò đoạn trường » ra đi !



Giờ đây, kẻ ở người về
Thương nhau tôi biết lấy gì khóc nhau.

Lệ lòng tôi hết từ lâu
Gạn lòng gọi có mươi câu chân tình.

Trần-Huyền-Trần

(9-6-39)

(Tạp đàn, số 6-10, 16-7-1939)

Khi đã về chiều

(Sau lần vào thăm Tân-Đã)

Mờ mờ mưa tưới vườn dừa.

Mưa thưa trong nắng mờ mờ, chiều nay,

Lòng say rốc nốt chén say,

Bỗng dưng tôi nhớ một ngày cùng ai...

Một ngày lòng ấy, lòng tôi

Bên sông chia xẻ những lời tri âm.

Người là một kiếp thi nhân

Tóc tơ nhuộm đã mấy lần biên châu.

Nhà người tôi nhớ như dâu

Lạnh lùng bên mấy hàng cau lạnh lùng.

Hồn thơ về ẩn bụi hồng

Quyên vàng, tóc bạc nằm chung một lều

Có đàn con trẻ nheo nheo,

Có dăm món nợ eo sèo bên tai.

Chừng lâu rượu chẳng về chai

Nhện giăng giá bút một vài đường tơ.

Nghiên son lớp lớp bụi mờ

Một ôn tờ lại từng tờ cổ thi,

Chạnh lòng, tôi nghĩ mai kia,

Chim ham sương gió quên khi chim già.

Nhìn tôi, người bỗng cười khà :

Đời là thế ấy — Ta là thế thôi ! »

Tôi giờ ngược ngược xuôi xuôi,

Rút vào lòng khắp tình người thế gian.

Chiều nay, chiều dẹt mưa vàng

Tôi buồn trông bóng nắng tàn trong mưa...

(Tạp đàn tạp chí, số 8, ngày 16-6-1939)

Thơ của Em

Có những tình thơ tha thiết lắm

Không kêu ra tiếng, viết ra câu

Tháng ngày nung nấu trong lòng vắng

— Có phải tình thơ đề tặng nhau ?

Có những lời thơ không có tên

Làm luôn thồn thức một bên tim

Buồn trong ánh mắt, cười trên miệng

— Có phải lời thơ đề tặng em ?

Có những mùa thơ lạnh rất nhiều

Những mùa thơ giục bao em bé

Rộn ràng đang vội tắm tình vêu.

Có những mùa thơ lạnh rất nhiều

Những mùa thơ động lòng thi sĩ

Từng giọt tâm tình đợi nắng gieo.

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 232,
ngày 5-11-1938)

Nhớ mùa đông ấy

Ta nhớ một mùa đông giá trước
 Đọc đường ngủ đờ quán hàng cơm
 Nửa đêm mira đột lòng ta ướt
 Em trải giùm ta chiếc ô rơm

Rồi lúc gió hờn lau bãi sậy
 Đưa thuyền ngư phủ giạt về đông
 Giạt mình người khách chinh phu dậy
 Soi đuốc nhìn ra mặt nước sông.

Thầy vút trời sương nổi bóng sào
 Sóng vừa thức giấc, sóng lao xao
 Chinh phu chống gối cười trên chống
 Thôi lừ say sưa khốc thuốc lao

Đêm ấy bây giờ xa lắm lắm
 Lăn về ta lại ghé lên sông
 Nhưng lều lau vắng, hơi may vắng
 Rụng nốt lòng ta lá cuối cùng.

Em ơi ! Người khách chinh phu ấy
 Ngồi sưởi chiều nay dưới nắng tà
 Nắng lạnh làm sao buồn dậy dậy
 Sao mùa đông động mãi lòng ta

(Bụi gió Hà-nội)

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 238,
 ngày 17-12-1938)



Giao mùa

Gió ngớt khua lau dưới gằm cầu
 Người về xóm lạnh bước thôi mau
 Ngõ hoang đã nở dằm màu bướm
 Đây lúc đôi mùa đưa tiễn nhau

Ấy lúc hồn hoa trở gót về
 Thả đàn chim mộng xuống sương khuya
 Tôi nghe xa lắm làn mây trắng
 Rồi bóng kinh thành lững lờ đi

Tôi nhớ làm sao mấy bữa nay
 Khi mùa sum họp vắng đầu đây
 Dăm chàng nghệ sĩ như mây ấy
 Lòng ghé phương nào, rượu có say

Tôi biết trong sương có những người
 Từng quên mùa rét hẹn hoa mai
 Thả lòng lạc mãi trời tư tưởng
 Chợt tỉnh mơ vàng, tóc đã phai.

(Tiểu thuyết thứ bảy)



Mộng uống rượu với Tản-Đà

Cụ hăm rượu nữa đi thôi,
 Be này — đã cạn hết rồi còn đâu !
 Rồi lên ta uống với nhau,
 Rót đau lòng ấy vào đau lòng này —

— Say đâu ? Lòng chưa được đầy
 Cái đau nhân thế thì say nổi gì ?
 Đường xa ư cụ ? quân chi ;
 Đi gần hạnh phúc là đi xa đường.

— Tôi là nắng — Cụ là sương
 Tôi bừng dậy sáng, cụ nường bóng chiều.
 Gió sương tóc cụ đã nhiều
 Lòng sao nặng mãi bao nhiêu khối tình ?

— Mát trông, môi thắm, đầu xanh,
 Đời tôi trăm thác nghìn ghềnh còn đi. .
 Có gì thấm thía say mê,
 Lòng chưa tê tái chưa tê tái đời.

— Rót đi, rót... rót đi thôi,
 Rót cho tôi cả năm mươi tuổi đầu,
 Nguồn đau cứ rót cho nhau,
 Lời say sưa mới là câu chân tình.

(Viết trong một lúc say)
 (Tiểu thuyết thứ bảy, số 258)

